

Số: 633./QĐ-ĐHLHN

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học
của Trường Đại học Luật Hà Nội**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 405/CP ngày 10 tháng 11 năm 1979 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Pháp lý Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật Hà Nội);

Căn cứ Quyết định số 116/QĐ-BTP ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Theo đề nghị của Trường phòng Phòng Đào tạo đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Trường Đại học Luật Hà Nội”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1628/QĐ-ĐHLHN ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Trường Đại học Luật Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 888/QĐ-ĐHLHN ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội.

Điều 3. Trường phòng Phòng Đào tạo đại học, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Bộ Tư pháp (để báo cáo);
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Đảng uỷ (để báo cáo);
- Các Phó Hiệu trưởng (để chỉ đạo t/hiện);
- Công TTĐT của Trường (để công khai);
- Lưu: VT, ĐTDH.





**QUY CHẾ TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 633./QĐ-ĐHLHN ngày 26 tháng 3.. năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, điều kiện, quy trình và trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác tuyển sinh trình độ đại học đối với các hình thức đào tạo của Trường Đại học Luật Hà Nội (sau đây gọi tắt là Trường), trừ tuyển sinh trình độ đại học theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa.

2. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác tuyển sinh trình độ đại học vào: Các chương trình đào tạo do Trường cấp bằng; các chương trình đào tạo liên kết với cơ sở giáo dục nước ngoài do Trường cấp bằng hoặc do hai bên cùng cấp bằng; không áp dụng đối với tuyển sinh vào các chương trình đào tạo liên kết do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp bằng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và các từ viết tắt

1. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Dự tuyển* là việc thí sinh tham dự quy trình tuyển sinh vào chương trình đào tạo của Trường, thông qua việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống xét tuyển của Trường và/hoặc trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đăng ký dự thi (nếu có), đăng ký xét tuyển theo quy định của Trường;

b) *Xét tuyển* là quy trình xử lý riêng tại Trường hoặc xử lý chung theo nhóm cơ sở đào tạo nếu Trường tham gia hoặc xử lý chung theo Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định để xác định điều kiện trúng tuyển và lập danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển vào một chương trình đào tạo căn cứ các tiêu chí xét tuyển do Trường xác định;

c) *Xét tuyển thẳng* là việc thực hiện quy trình xét tuyển hồ sơ thí sinh và công nhận trúng tuyển đối với những đối tượng xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế này;

d) *Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào* (gọi tắt là *ngưỡng đầu vào*) là yêu cầu tối thiểu về năng lực học tập thể hiện ở kết quả học tập, kết quả thi, đánh giá để thí sinh có khả năng theo học và hoàn thành chương trình đào tạo;

Handwritten mark

đ) *Điểm trúng tuyển* (của một chương trình đào tạo) là ngưỡng điểm mà những thí sinh (đã đăng ký nguyện vọng vào chương trình đào tạo đó) có điểm xét tuyển bằng hoặc cao hơn sẽ đủ điều kiện trúng tuyển và được làm tròn đến hàng phần trăm. Việc làm tròn điểm được thực hiện theo nguyên tắc làm tròn toán học đến hàng phần trăm, sau khi cộng đầy đủ điểm ưu tiên và điểm cộng (nếu có);

e) *Điểm ưu tiên* là mức điểm thí sinh được hưởng theo khu vực, đối tượng ưu tiên được quy định tại Quy chế này;

g) *Điểm cộng* là mức điểm do Trường xây dựng và công bố theo các tiêu chí thành tích phù hợp với đầu vào của chương trình đào tạo bao gồm:

- *Điểm thưởng* dành cho các đối tượng thí sinh được xét tuyển thẳng nhưng không sử dụng quyền xét tuyển thẳng theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Quy chế này; mức điểm thưởng từ 0 đến 3,00 điểm theo thang điểm 30;

- *Điểm xét thưởng* dành cho các đối tượng thí sinh có thành tích hoặc có năng khiếu đặc biệt; mức điểm xét thưởng từ 0 đến 1,50 điểm theo thang điểm 30;

- *Điểm khuyến khích* dành cho các đối tượng thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ hoặc có chứng chỉ quốc tế; mức điểm khuyến khích từ 0 đến 1,50 điểm theo thang điểm 30;

h) *Mã xét tuyển* là một mã quy ước danh của một chương trình (hoặc một ngành hoặc nhóm ngành hoặc lĩnh vực) sử dụng thống nhất trong Trường, phân hiệu. Mã xét tuyển do Trường tự quy ước và tối đa không quá 09 ký tự bao gồm ký tự số và ký tự chữ;

i) *Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông* là kỳ thi được tổ chức theo Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông hằng năm;

k) *Phương thức tuyển sinh* là việc Trường sử dụng độc lập hoặc kết hợp các kết quả sau đây: kết quả học tập cấp trung học phổ thông, điểm thi tốt nghiệp trung học phổ thông, kết quả kỳ thi độc lập, kết quả kỳ thi bổ trợ, chứng chỉ quốc tế, chứng chỉ ngoại ngữ dùng để thay thế điểm môn ngoại ngữ, để xét tuyển thí sinh vào một chương trình đào tạo;

l) *Quy đối tương đương* là việc quy đổi ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điểm trúng tuyển giữa các phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển của một mã xét tuyển theo một quy tắc do Trường quy định, bảo đảm tương đương về mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo tương ứng (sau đây gọi là *độ lệch điểm*);

m) *Tiêu chí đánh giá* là việc sử dụng kết quả thi, kiểm tra để đánh giá năng lực của thí sinh nhằm phân loại thí sinh theo mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo;

n) *Tiêu chí xét tuyển* là những tiêu chí được dùng để xác định điều kiện trúng tuyển của thí sinh dựa trên kết quả học tập, kết quả thi hoặc cả kết quả học tập và kết quả thi

và các tiêu chí đánh giá khác; được quy thành điểm số để xét tuyển (*điểm xét tuyển*) trong đó đã bao gồm điểm ưu tiên, điểm cộng (nếu có);

o) *Trọng số tính điểm xét* của 01 môn trong 01 tổ hợp xét tuyển là phần đóng góp của môn đó trong tổ hợp xét tuyển. Tổ hợp có 03 môn (không nhân hệ số) thì trọng số tính điểm xét của 01 môn bất kỳ trong tổ hợp xét tuyển là 1/3;

p) *Hồ sơ xét tuyển* là các tài liệu, giấy tờ của thí sinh đăng ký xét tuyển vào Trường theo phương thức xét tuyển bao gồm minh chứng về kết quả học tập, giải thưởng, trình độ ngoại ngữ, chứng chỉ quốc tế (nếu có) và các thành tích khác;

q) *Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế được sử dụng làm tiêu chí xét tuyển* là chứng chỉ được Bộ GD&ĐT công nhận và còn hiệu lực tại thời điểm xét tuyển;

r) *Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo* là hệ thống phần mềm hỗ trợ đăng ký nguyện vọng xét tuyển, trao đổi dữ liệu xét tuyển, xử lý nguyện vọng và quản lý dữ liệu trúng tuyển, nhập học của các cơ sở đào tạo;

s) *Xử lý nguyện vọng* là quy trình xử lý trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung để xác định nguyện vọng cao nhất trong số nguyện vọng mà thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển, trên cơ sở đó lập danh sách thí sinh trúng tuyển;

t) *Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo* là giao diện trang điện tử (website) của Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung, là một phần của cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục đại học;

u) *Cổng thông tin tuyển sinh của Trường Đại học Luật Hà Nội* là hệ thống hỗ trợ tuyển sinh của Trường, địa chỉ: <https://tuyensinh.hlu.edu.vn>;

v) *Hình thức đào tạo trình độ đại học của Trường bao gồm*: hình thức đào tạo chính quy và hình thức đào tạo thường xuyên.

2. Từ viết tắt

Trong văn bản này, các từ viết tắt dưới đây được diễn giải như sau:

- a) Bộ GD&ĐT: Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- b) ĐKXT: Đăng ký xét tuyển;
- c) HĐTS: Hội đồng tuyển sinh;
- d) THPT: Trung học phổ thông;
- đ) KV: Khu vực;
- e) ƯT: Ưu tiên.

Điều 3. Nguyên tắc cơ bản trong tuyển sinh

1. Công bằng đối với thí sinh

a) *Về cung cấp thông tin*: Mỗi thí sinh quan tâm được cung cấp thông tin đầy đủ, rõ ràng, tin cậy, nhất quán và kịp thời để có quyết định phù hợp và chuẩn bị tốt nhất cho việc tham gia tuyển sinh;

b) *Về cơ hội dự tuyển*: Không thí sinh nào bị mất cơ hội dự tuyển do những quy định không liên quan tới trình độ, năng lực (trừ những quy định của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng mang tính đặc thù trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh); hoặc do quy trình tuyển sinh phiền hà, tốn kém;

c) *Về đánh giá năng lực*: Thí sinh phải được đánh giá khách quan, công bằng và tin cậy về khả năng học tập và triển vọng thành công, đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo;

d) *Về cơ hội trúng tuyển*: Thí sinh phải được tạo cơ hội trúng tuyển cao nhất và quyền xác định nguyện vọng ưu tiên trong số những chương trình đào tạo đủ điều kiện trúng tuyển;

đ) *Về thực hiện cam kết*: Trường thực hiện các cam kết đối với thí sinh, tư vấn, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

2. Bình đẳng trong hợp tác với các cơ sở đào tạo

a) *Về hợp tác*: Trường hợp tác bình đẳng với các cơ sở đào tạo khác nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả tuyển sinh, đồng thời mang lại lợi ích tốt nhất cho thí sinh;

b) *Về cạnh tranh*: Trung thực, công bằng và lành mạnh trong tuyển sinh theo quy định của pháp luật về cạnh tranh.

3. Minh bạch đối với xã hội

a) *Về minh bạch thông tin*: Trường có trách nhiệm công bố Thông tin tuyển sinh đầy đủ, rõ ràng và kịp thời qua các phương tiện truyền thông phù hợp để xã hội và cơ quan quản lý nhà nước cùng giám sát;

b) *Về trách nhiệm giải trình*: Trường có trách nhiệm báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước và giải trình với các bên liên quan qua hình thức phù hợp về công tác tuyển sinh.

Điều 4. Yêu cầu chung trong tuyển sinh

1. Trường thực hiện quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình và chịu trách nhiệm trước pháp luật về công tác tuyển sinh, bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

2. Trường thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm tạo điều kiện thuận lợi và cơ hội bình đẳng cho mọi thí sinh; tuyển chọn những thí sinh có nguyện vọng và năng lực phù hợp với yêu cầu của chương trình đào tạo; tổ chức xét tuyển tất cả nguyện vọng hợp lệ của thí sinh đã đăng ký xét tuyển vào Trường trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung.

3. Trường phối hợp chặt chẽ với Bộ GD&ĐT trong tuyển sinh trình độ đại học nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và liên thông trong Hệ thống; giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả tuyển sinh của Trường.

Chương II

NỘI DUNG TUYỂN SINH

Điều 5. Người dự tuyển, điều kiện dự tuyển

1. Người dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), bao gồm:

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT, trung học nghề của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

2. Người dự tuyển quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Điều 9 của Quy chế này;

b) Có đủ sức khỏe để học tập, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định của Trường.

3. Đối với người dự tuyển là người khuyết tật ảnh hưởng đến khả năng học tập, Trường thực hiện các cơ chế hỗ trợ đặc thù và tạo điều kiện tốt nhất để thí sinh có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển và theo học các chương trình đào tạo phù hợp với năng lực và điều kiện sức khỏe của thí sinh.

Điều 6. Phương thức tuyển sinh

1. Hằng năm, Trường sẽ quyết định và công bố một hoặc một số phương thức tuyển sinh trong Thông tin tuyển sinh của Trường, bảo đảm không quá 05 phương thức tuyển sinh (không bao gồm xét tuyển thẳng, xét tuyển đối tượng cử tuyển, xét tuyển đối tượng dự bị đại học) theo quy định của Bộ GD&ĐT.

2. Mỗi phương thức tuyển sinh được quy định rõ các tiêu chí đánh giá, xét tuyển và cách thức sử dụng kết hợp các tiêu chí để phân loại, xếp hạng và xác định điều kiện trúng tuyển đối với thí sinh theo yêu cầu của chương trình đào tạo, trong đó:

a) Các tiêu chí dùng để đánh giá, xét tuyển phải dựa trên yêu cầu về kiến thức nền tảng và năng lực cốt lõi mà thí sinh cần có để theo học chương trình đào tạo;

b) Phương thức xét tuyển không thể hiện được yêu cầu tại điểm a khoản này thì người dự tuyển phải có kết quả học tập tối thiểu 02 học kỳ lớp 12 hoặc có điểm thi tốt nghiệp THPT môn học phù hợp với yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo trừ trường hợp xét tuyển vào ngành ngôn ngữ của Trường;

c) Tổng điểm cộng bao gồm điểm thưởng, điểm xét thưởng, điểm khuyến khích không vượt quá 10% mức điểm tối đa của thang điểm xét tuyển;

d) Mỗi thí sinh đều có cơ hội đạt mức điểm tối đa của thang điểm xét 30 điểm đối với tổ hợp xét tuyển theo 03 môn và bảo đảm không thí sinh nào có điểm xét vượt quá mức điểm 30 điểm (bao gồm cả điểm cộng và điểm ưu tiên).

3. Nguồn xét tuyển vào các chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường là thí sinh có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT các năm theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 18,00 điểm theo thang điểm 30, áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp từ năm 2026.

Quy định này không áp dụng đối với thí sinh được đặc cách xét tốt nghiệp THPT và thí sinh quy định tại khoản 1, khoản 2 (điểm a, c, d, đ), khoản 3, khoản 4 Điều 8 của Quy chế này.

4. Trường hợp thí sinh sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ (để miễn thi tốt nghiệp môn ngoại ngữ) đăng ký xét tuyển đại học, Trường thực hiện xây dựng và công bố bảng quy đổi kết quả chứng chỉ ngoại ngữ và điểm xét môn ngoại ngữ:

a) Bảng quy đổi kết quả chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh và điểm xét môn ngoại ngữ được xây dựng có tối thiểu 05 mức điểm chênh lệch ứng với thang điểm của chứng chỉ sử dụng;

b) Bảng quy đổi kết quả chứng chỉ ngoại ngữ khác và điểm xét môn ngoại ngữ tương ứng do Hiệu trưởng quy định;

c) Bảng quy đổi kết quả chứng chỉ ngoại ngữ được rà soát, điều chỉnh tối thiểu 02 năm một lần trên cơ sở đối sánh kết quả học tập thực tế của sinh viên trúng tuyển áp dụng từ năm 2026;

d) Chứng chỉ ngoại ngữ chỉ được dùng cho quy đổi điểm môn ngoại ngữ trong tổ hợp xét tuyển hoặc sử dụng cho điểm khuyến khích.

5. Đối với phương thức tuyển sinh dựa trên kết quả học tập các môn học bậc THPT bắt buộc môn Toán hoặc Ngữ văn với trọng số tính điểm xét của môn Toán hoặc môn Ngữ văn tối thiểu 1/3 và đáp ứng một trong những yêu cầu sau:

a) Tổ hợp xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của tối thiểu 03 môn học theo thang điểm 30;

b) Tổ hợp xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của tối thiểu 02 môn học (trong đó bắt buộc phải có môn Toán hoặc Ngữ văn) và dùng chứng chỉ ngoại ngữ (chứng chỉ ngoại ngữ sử dụng miễn thi tốt nghiệp THPT theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành), Trường thực hiện quy đổi kết quả chứng chỉ ngoại ngữ thành điểm môn ngoại ngữ theo thang điểm 10 để đưa vào tổ hợp môn xét tuyển thay thế môn ngoại ngữ;

c) Trường hợp môn học trong tổ hợp xét tuyển không học đủ 06 học kỳ cấp THPT theo năm do thay đổi lựa chọn môn học thì sử dụng kết quả học tập môn học khác gần lĩnh vực thay thế.

6. Đối với phương thức tuyển sinh dựa trên kết quả các môn thi tốt nghiệp THPT bắt buộc phải có môn Toán hoặc Ngữ văn với trọng số tính điểm xét của môn Toán hoặc môn Ngữ văn tối thiểu 1/3 và đáp ứng một trong những yêu cầu sau:

a) Tổ hợp xét tuyển sử dụng kết quả các môn thi tốt nghiệp THPT dùng để xét tuyển có ít nhất 03 môn phù hợp với đặc điểm, yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo của Trường;

b) Tổ hợp xét tuyển sử dụng kết quả các môn thi tốt nghiệp THPT có dùng chứng chỉ ngoại ngữ (chứng chỉ ngoại ngữ áp dụng miễn thi tốt nghiệp THPT theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành), Trường thực hiện quy đổi kết quả chứng chỉ ngoại ngữ thành điểm môn ngoại ngữ theo thang điểm 10 để đưa vào tổ hợp môn xét tuyển thay thế môn ngoại ngữ.

7. Đối với một chương trình đào tạo có nhiều phương thức tuyển sinh hoặc tổ hợp xét tuyển:

a) Trường xác định độ lệch điểm theo hướng dẫn thống nhất của Bộ GD&ĐT, bảo đảm tuyển chọn được các thí sinh đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo;

b) Không quy định mã xét tuyển riêng, số lượng tuyển sinh xét tuyển riêng cho từng phương thức xét tuyển hoặc tổ hợp xét tuyển, trừ việc quy định chỉ tiêu xét tuyển thẳng theo quy định.

8. Trường tự chịu trách nhiệm giải trình về căn cứ việc xác định phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển, quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ thành điểm môn ngoại ngữ, độ lệch điểm dựa trên số liệu phân tích, đánh giá và đối sánh kết quả học tập của sinh viên trúng tuyển các năm trước; có trách nhiệm xử lý đảm bảo quyền lợi của thí sinh khi phát sinh các tình huống, sự cố ảnh hưởng đến kết quả thi, kết quả trúng tuyển của thí sinh.

Điều 7. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

1. Ưu tiên theo khu vực thực hiện theo đơn vị hành chính do cấp có thẩm quyền quy định tại Phụ lục I của Quy chế này:

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

b) Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT (hoặc trung cấp); nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường mà thí sinh theo học sau cùng;

c) Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách theo quy định tại Phụ lục II của Quy chế này:

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 03) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 04 đến 06) là 1,0 điểm;

b) Mức điểm ưu tiên cho những đối tượng chính sách khác (được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành) do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quyết định;

Handwritten mark

c) Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại các điểm a, b khoản này chỉ được tính một mức điểm ưu tiên cao nhất.

3. Các mức điểm ưu tiên được quy định trong Điều này tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 30 đối với từng môn thi (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

4. Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,50] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 Điều này.}$$

Điều 8. Đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

1. Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các chương trình đào tạo do Trường quy định.

2. Thí sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi, cuộc thi, giải đấu cấp quốc gia hoặc quốc tế, do Bộ GD&ĐT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, cử tham gia, được xét tuyển thẳng vào chương trình đào tạo phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đạt giải; cụ thể trong các trường hợp sau:

a) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

b) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia và đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của chương trình đào tạo. Thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm nếu được xét tuyển thẳng.

c) Thí sinh đạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc, mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận; thời gian đạt giải không quá 04 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

d) Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, gồm có: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á; thời gian đạt giải không quá 04 năm, tính đến thời điểm xét tuyển thẳng;

đ) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ GD&ĐT cử tham gia; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển thẳng.

3. Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu của chương trình đào tạo để xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây (trường hợp cần thiết kèm theo điều kiện thí sinh phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức):

a) Thí sinh là người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định, có khả năng theo học một số chương trình đào tạo do Trường quy định nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường;

b) Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ;

c) Thí sinh là người Việt Nam học tập cấp THPT, trung học nghề ở nước ngoài hoặc học tập chương trình giáo dục nước ngoài bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam đạt trình độ tương đương với trình độ THPT, trung học nghề của Việt Nam và đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT;

d) Thí sinh là người nước ngoài đã đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT.

4. Trường quy định hình thức ưu tiên xét tuyển đối với các thí sinh đã đạt ngưỡng đầu vào hoặc cộng điểm (điểm thưởng, điểm xét thưởng, điểm khuyến khích) cho các trường hợp sau đây:

a) Thí sinh quy định tại khoản 1, 2 Điều này dự tuyển vào các chương trình đào tạo theo nguyện vọng mà không dùng quyền ưu tiên tuyển thẳng;

b) Thí sinh đạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đạt giải tư trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dự tuyển vào chương trình đào tạo phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đạt giải; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển.

5. Trường quy định cụ thể và công bố theo kế hoạch tuyển sinh trong Thông tin tuyển sinh: đối tượng, số lượng tuyển sinh, tiêu chí, phạm vi tuyển sinh, chương trình đào tạo để xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển.

Điều 9. Ngưỡng đầu vào các chương trình đào tạo chính quy và thường xuyên

1. Đối với phương thức tuyển sinh dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT, ngưỡng đầu vào của các chương trình đào tạo thuộc Trường phải bảo đảm không thấp hơn mức tối thiểu do pháp luật quy định áp dụng đối với lĩnh vực pháp luật.

2. Đối với phương thức tuyển sinh không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc phương thức tuyển sinh kết hợp, thí sinh phải đạt ngưỡng đầu vào đối với chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực pháp luật áp dụng khoản 1 Điều này hoặc kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12

(kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 18,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên.

3. Thí sinh đã tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên thuộc chương trình đào tạo lĩnh vực pháp luật dự tuyển trình độ đại học tại Trường được áp dụng quy định ngưỡng đầu vào theo một trong các tiêu chí sau:

a) Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8,00 trở lên theo thang điểm 10;

b) Tốt nghiệp THPT loại giỏi trở lên hoặc kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) và có 03 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

c) Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học đạt loại giỏi trở lên;

d) Tốt nghiệp trình độ trung cấp hoặc trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học đạt loại khá và có 03 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.

4. Căn cứ yêu cầu bảo đảm chất lượng, Trường xác định và công bố ngưỡng đầu vào cho các chương trình đào tạo và phương thức tuyển sinh trước thời gian kết thúc đăng ký dự tuyển theo kế hoạch tuyển sinh hằng năm và yêu cầu của chuẩn chương trình đào tạo.

Điều 10. Bảo lưu kết quả trúng tuyển

1. Thí sinh đã có giấy báo trúng tuyển được bảo lưu kết quả trúng tuyển trong những trường hợp sau:

a) Đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung ngay trong năm trúng tuyển theo quyết định hoặc lệnh của cơ quan có thẩm quyền;

b) Bị bệnh nặng hoặc bị tai nạn nghiêm trọng không thể nhập học đúng hạn, có hồ sơ y tế và xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

2. Thí sinh thuộc diện quy định tại khoản 1 phải gửi đơn xin bảo lưu kèm theo giấy tờ minh chứng tới Trường trong thời hạn được gọi nhập học. Thời gian tối đa được bảo lưu kết quả là 3 năm.

3. Ngay sau khi đủ điều kiện đi học trở lại, người được bảo lưu kết quả trúng tuyển phải thực hiện các thủ tục nhập học theo quy định của Trường, trong đó phải cung cấp minh chứng đã hoàn thành nhiệm vụ hoặc đã được điều trị hồi phục. Đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này có thời gian bảo lưu từ 3 năm trở lên, Trường sẽ xem xét giới thiệu vào các trường, lớp dự bị đại học để ôn tập trước khi vào học chính thức.

Handwritten mark

Điều 11. Thông tin tuyển sinh

1. Trường xây dựng, công bố, thực hiện đúng cam kết thông tin tuyển sinh về đối tượng, điều kiện dự tuyển, nguồn tuyển, phương thức tuyển sinh, ngưỡng đầu vào, điểm cộng, độ lệch điểm, tiêu chí phụ (nếu có); có trách nhiệm giải trình với thí sinh, cơ quan quản lý nhà nước và xã hội. Thông tin tuyển sinh phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Cung cấp đầy đủ thông tin để thí sinh lựa chọn chương trình đào tạo, phương thức tuyển sinh phù hợp với năng lực, sở thích và điều kiện cá nhân; chuẩn bị các điều kiện tham gia dự tuyển và thực hiện các bước theo Kế hoạch tuyển sinh của Trường;

b) Cơ quan quản lý nhà nước và xã hội giám sát việc thực hiện quy định của pháp luật và các cam kết đối với người học của Trường trong công tác tuyển sinh và đào tạo.

2. Nội dung chủ yếu của Thông tin tuyển sinh bao gồm:

a) Giới thiệu về Trường, chương trình đào tạo tuyển sinh, giấy phép hoạt động của ngành đào tạo (nếu có), quyết định ban hành chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, điều kiện học tập và nghiên cứu, cơ sở vật chất, văn bằng tốt nghiệp, kết quả kiểm định chất lượng (nếu có), tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp (trên tổng số nhập học), tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm phù hợp trình độ chuyên môn (theo Phụ lục III của Quy chế này);

b) Thông tin đầy đủ về chi phí đào tạo, mức thu học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình cả khóa học, từng năm học; chính sách học bổng, miễn giảm học phí, hỗ trợ tài chính, chỗ ở ký túc xá và các chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác dành cho người học;

c) Kế hoạch tuyển sinh và phạm vi tuyển sinh các đợt trong năm (trong đó đợt 1 tuyển sinh đại học chính quy phù hợp với kế hoạch chung do Bộ GD&ĐT ban hành), gồm cả quy định về đối tượng, điều kiện tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển và số lượng tuyển sinh (dự kiến) đối với các chương trình đào tạo; quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào, điểm trúng tuyển của các phương thức, tổ hợp xét tuyển; phương thức và tiêu chí phân bổ người học theo học chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo đối với trường hợp xét tuyển theo nhóm ngành, ngành có nhiều chương trình đào tạo cùng một mức điểm trúng tuyển; quy trình, thủ tục đăng ký dự tuyển và các thông tin cần thiết khác cho thí sinh;

d) Phương án xử lý rủi ro khi triển khai công tác tuyển sinh và cam kết trách nhiệm của cơ sở đào tạo.

3. Trường công bố Thông tin tuyển sinh, nội dung điều chỉnh, độ lệch điểm, số lượng tuyển sinh chính thức, ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào tại Cổng thông tin điện tử của Trường theo kế hoạch tuyển sinh chung hằng năm của Bộ GD&ĐT; duy trì tối thiểu 04 năm liên tục kể từ ngày công bố, trường hợp cập nhật thông tin phải ghi thời điểm cập nhật.

Chương III

XÉT TUYỂN ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

Điều 12. Xây dựng kế hoạch xét tuyển

1. Căn cứ kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT, Trường xây dựng kế hoạch xét tuyển thẳng, xét tuyển đợt 1 và kế hoạch xét tuyển các đợt bổ sung (nếu có) cho công tác xét tuyển hình thức đào tạo chính quy. Trường phối hợp triển khai các quy trình:

a) Đăng ký xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (gọi tắt là Hệ thống trong phạm vi Chương này) và trên Cổng dịch vụ công Quốc gia;

b) Tổ chức xét tuyển theo các phương thức: xét tuyển riêng/xét tuyển kết hợp, sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc kết quả học tập cấp THPT hoặc kết quả thi, đánh giá thí sinh;

c) Xử lý nguyện vọng trên Hệ thống (theo chu trình lập kết hợp với quy trình xét tuyển tại Trường);

d) Xác nhận nhập học trên Hệ thống và nhập học theo thông báo của Trường.

2. Căn cứ kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT, Trường xây dựng kế hoạch xét tuyển thẳng, xét tuyển đợt 1 và kế hoạch xét tuyển các đợt bổ sung (nếu có) phù hợp với kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT.

Điều 13. Tổ chức đăng ký và xét tuyển thẳng

1. Căn cứ Thông tin tuyển sinh đã công bố, Trường thông báo và tổ chức cho thí sinh thuộc đối tượng được xét tuyển thẳng theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này đăng ký dự tuyển bằng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp tại Trường.

2. Trường tổ chức xét tuyển thẳng cho những thí sinh đủ điều kiện, công bố kết quả và cập nhật danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) lên Hệ thống để xử lý nguyện vọng cùng với các phương thức xét tuyển khác theo kế hoạch chung; hoàn thành trước khi thí sinh đăng ký xét tuyển trên Hệ thống.

3. Thí sinh đã trúng tuyển vào Trường theo kế hoạch xét tuyển thẳng thực hiện đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT để lựa chọn chương trình đào tạo đã trúng tuyển thẳng tại Trường hoặc đăng ký nguyện vọng xét tuyển khác.

4. Thí sinh trúng tuyển thẳng xác nhận nhập học theo kế hoạch chung.

Điều 14. Đăng ký xét tuyển trên Hệ thống

1. Bộ GD&ĐT hỗ trợ tổ chức đăng ký xét tuyển đợt 1 đào tạo chính quy cho tất cả phương thức tuyển sinh của Trường. Thời gian đăng ký bắt đầu sau kỳ thi tốt nghiệp THPT và kết thúc sau khi có kết quả thi và xét tốt nghiệp THPT.

2. Thí sinh dự tuyển đợt 1 đào tạo chính quy thực hiện đăng ký xét tuyển trên Hệ thống (qua Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia) theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

3. Thí sinh được đăng ký tối đa 15 nguyện vọng vào các chương trình đào tạo, các cơ sở giáo dục đại học khác nhau, nhưng phải sắp xếp các nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất.

4. Thí sinh thể hiện nguyện vọng của mình qua những lựa chọn trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh (theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT) như sau:

a) Thứ tự ưu tiên của nguyện vọng (số 1 thể hiện nguyện vọng có thứ tự ưu tiên cao nhất);

b) Lựa chọn trường, đơn vị tuyển sinh (mã trường);

c) Lựa chọn chương trình đào tạo (mã xét tuyển).

5. Trong đợt 1, thí sinh đăng ký xét tuyển và chỉ nộp lệ phí xét tuyển một lần duy nhất (không bao gồm lệ phí các kỳ bổ trợ, kỳ thi độc lập) theo mức thu dịch vụ tuyển sinh do Trường quy định.

Điều 15. Xét tuyển và xử lý nguyện vọng theo kế hoạch chung

1. Trường tự chủ tổ chức xét tuyển theo các phương thức và tiêu chí xét tuyển riêng, hoặc phối hợp theo nhóm để tổ chức xét tuyển theo các phương thức và tiêu chí xét tuyển chung. Bộ GD&ĐT hướng dẫn lịch trình xét tuyển và hỗ trợ việc xử lý nguyện vọng trên Hệ thống.

2. Sau khi kết thúc thời gian đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống, Trường tải thông tin, dữ liệu từ Hệ thống để phục vụ xét tuyển, bao gồm: dữ liệu đăng ký nguyện vọng, kết quả học tập cấp THPT (trung học nghề), kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT (trung học nghề), điểm xét tốt nghiệp THPT (trung học nghề), kết quả thi của các cơ sở đào tạo tổ chức thi trong năm tuyển sinh, điểm chứng chỉ ngoại ngữ, dữ liệu về ưu tiên theo khu vực và đối tượng của những thí sinh dự tuyển để phục vụ xét tuyển.

3. Nguyên tắc xét tuyển:

a) Điểm trúng tuyển được xác định để số lượng tuyển được theo từng chương trình đào tạo phù hợp với số lượng tuyển sinh đã công bố theo nguồn tuyển và không thấp hơn ngưỡng đầu vào;

b) Đối với một chương trình đào tạo theo một phương thức và tổ hợp môn, tất cả thí sinh được xét chọn bình đẳng dựa trên điểm xét và điểm trúng tuyển quy đối tượng đương theo từng phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển, không phụ thuộc thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này;

c) Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có điểm cộng thấp hơn; trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách và có điểm cộng bằng nhau, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có thứ tự ưu tiên nguyện vọng cao hơn;

d) Việc sử dụng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng để xét tuyển đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy định về điểm ưu tiên được quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

4. Sau mỗi chu kỳ xét tuyển, Trường đăng tải lên Hệ thống danh sách thí sinh dự kiến đủ điều kiện trúng tuyển các chương trình đào tạo (theo các phương thức tuyển sinh) lên Hệ thống. Hệ thống xử lý nguyện vọng sẽ tự động loại bỏ khỏi danh sách những nguyện vọng thấp của thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển nhiều nguyện vọng, trả lại danh sách thí sinh dự kiến trúng tuyển theo nguyện vọng cao nhất. Trường có trách nhiệm rà soát đầy đủ thông tin trong thông tin tuyển sinh với kết quả thí sinh dự kiến trúng tuyển theo nguyện vọng cao nhất sau mỗi lần Hệ thống trả kết quả xử lý nguyện vọng.

5. Căn cứ kết quả xử lý nguyện vọng, Trường lập lại quy trình xét tuyển ở chu kỳ sau, điều chỉnh điểm trúng tuyển cho phù hợp với số lượng tuyển sinh trong thời hạn quy định. Ở chu kỳ cuối, Trường quyết định điểm trúng tuyển vào các chương trình đào tạo (theo các phương thức tuyển sinh) và tải lên Hệ thống danh sách (chính thức) thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển. Trên cơ sở kết quả xử lý nguyện vọng cuối cùng, Trường quyết định danh sách thí sinh trúng tuyển vào các chương trình đào tạo theo đúng thông tin công bố trong Thông tin tuyển sinh.

Điều 16. Thông báo kết quả, xác nhận nhập học và tổ chức nhập học

1. Trường công bố điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) vào các chương trình đào tạo theo các phương thức tuyển sinh, cam kết thông tin công bố chính xác và chịu trách nhiệm về kết quả công bố trúng tuyển; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển của cá nhân trên trang thông tin điện tử của Trường (hoặc của nhóm cơ sở đào tạo phối hợp xét tuyển); giải đáp thắc mắc của thí sinh và xã hội (nếu có) về kết quả công bố.

2. Trường thông báo kết quả trúng tuyển cho từng thí sinh trúng tuyển theo điểm và tên phương thức trúng tuyển kèm theo thủ tục nhập học và có quyền từ chối nhập học đối với thí sinh khai báo không trung thực về thông tin cá nhân đăng ký xét tuyển.

3. Thí sinh xác nhận nhập học bằng hình thức trực tuyến trên Hệ thống trước khi nhập học tại Trường trong thời hạn quy định.

4. Đối với những thí sinh không xác nhận nhập học tại Trường trong thời hạn quy định:

a) Trường hợp không có lý do chính đáng thì coi như thí sinh từ chối nhập học và Trường có quyền không tiếp nhận;

b) Trường hợp do ốm đau, tai nạn, có giấy xác nhận của bệnh viện cấp cơ bản trở lên hoặc do thiên tai có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, Trường sẽ xem xét quyết định tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh. Việc chấp thuận thí sinh vào học do Hiệu trưởng quyết định và chịu trách nhiệm giải trình về thời gian tiếp nhận thí sinh nhập học muộn (nếu có);

c) Trường hợp do sai sót, nhầm lẫn được xác định thuộc lỗi kỹ thuật khách quan trong công tác tuyển sinh, Trường phối hợp với các cá nhân, tổ chức liên quan xem xét các minh chứng và quyết định việc tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học sau. Trường có trách nhiệm lập hồ sơ lưu trữ và báo cáo danh sách riêng thí sinh bị sự cố trong báo cáo kết quả tuyển sinh hằng năm.

5. Thí sinh đã xác nhận nhập học tại Trường không được tham gia xét tuyển ở nơi khác hoặc ở các đợt xét tuyển bổ sung, trừ trường hợp được Trường cho phép.

Điều 17. Tổ chức đăng ký và xét tuyển các đợt bổ sung

1. Căn cứ số lượng tuyển sinh và số thí sinh trúng tuyển đã xác nhận nhập học, nhập học vào các chương trình đào tạo, Hội đồng tuyển sinh của Trường xem xét, quyết định xét tuyển các đợt bổ sung. Trường công bố kế hoạch xét tuyển, phương thức xét tuyển và hình thức đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung; điều kiện xét tuyển bổ sung đối với các chương trình đào tạo theo từng phương thức xét tuyển nhưng không thấp hơn điều kiện trúng tuyển đợt 1.

2. Thí sinh chưa trúng tuyển hoặc đã trúng tuyển nhưng chưa xác nhận nhập học vào một cơ sở đào tạo bất kỳ có thể đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung theo kế hoạch và hướng dẫn của Trường.

3. Kết thúc mỗi đợt xét tuyển, Trường công bố trên trang thông tin điện tử điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) vào các chương trình đào tạo theo các phương thức tuyển sinh; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển của cá nhân; gửi giấy báo trúng tuyển và hướng dẫn cho thí sinh trúng tuyển nhập học.

4. Trường có thể công bố xét tuyển đợt bổ sung ngay sau khi có kết quả thí sinh xác nhận nhập học các đợt nếu số thí sinh xác nhận nhập học các đợt thấp hơn số lượng tuyển sinh của Trường công bố trong tuyển sinh đợt 1; việc xét tuyển bổ sung phải đảm bảo số lượng tuyển sinh công bố trong các đợt bổ sung không được vượt quá số lượng tuyển sinh đã công bố ở đợt 1; mỗi đợt xét tuyển bổ sung, thời gian từ khi công bố phương án đến khi bắt đầu xét tuyển phải tối thiểu là 10 ngày.

Chương IV

TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHÍNH QUY ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐÃ CÓ BẰNG ĐẠI HỌC VÀ TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HÌNH THỨC ĐÀO TẠO THƯỜNG XUYÊN

Điều 18. Người dự tuyển, điều kiện dự tuyển

1. Công dân Việt Nam có đủ sức khỏe, không trong thời gian bị giam giữ, tạm giữ, tạm giam hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

vt

2. Dự tuyển trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy đối với người đã có bằng đại học:

a) Những người đã tốt nghiệp đại học hình thức đào tạo chính quy của các trường đại học đã có báo cáo tự đánh giá hoặc triển khai kiểm định chất lượng theo quy định của Bộ GD&ĐT. Đối với người có bằng tốt nghiệp do trường đại học nước ngoài hoặc trường đại học nước ngoài hoạt động hợp pháp ở Việt Nam cấp phải được công nhận theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT;

b) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Điều 9 của Quy chế này.

3. Dự tuyển trình độ đại học hình thức đào tạo thường xuyên:

a) Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, có điểm trung bình chung 6 học kỳ mỗi môn học bậc THPT tương ứng với tổ hợp xét tuyển được lựa chọn đạt từ 6.0 điểm trở lên;

b) Những người đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học tại các trường trung cấp, cao đẳng, đại học đã có báo cáo tự đánh giá hoặc triển khai kiểm định chất lượng theo quy định của Bộ Nội vụ hoặc Bộ GD&ĐT;

c) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Điều 9 của Quy chế này

Điều 19. Xét tuyển trình độ đại học hình thức đào tạo thường xuyên đối với người đã tốt nghiệp THPT

1. Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT

a) Trường xác định và công bố công khai trong Thông tin tuyển sinh hằng năm các tổ hợp được sử dụng để xét tuyển vào các chương trình đào tạo theo quy định của Bộ GD&ĐT;

b) Điểm xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT được xác định dựa trên điểm các bài thi/môn thi theo thang điểm 10 hoặc quy đổi về thang điểm 10. Việc sử dụng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng để xét tuyển đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy định về điểm ưu tiên được quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

2. Xét tuyển theo kết quả học tập THPT và chứng chỉ quốc tế

a) Xét tuyển theo kết quả học tập bậc THPT:

- Điểm xét từng chương trình đào tạo xác định theo tổng điểm trung bình chung 3 môn học tương ứng với các tổ hợp xét tuyển của 3 năm học bậc THPT, có tính điểm ưu tiên theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này;

- Điều kiện phụ khi xét tuyển theo kết quả học tập THPT: trong trường hợp số thí sinh đạt ngưỡng điểm trúng tuyển vượt quá chỉ tiêu, các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách sẽ được xét trúng tuyển theo điều kiện phụ là điểm trung bình chung môn ngoại ngữ.

b) Xét tuyển theo chứng chỉ quốc tế:

- Thí sinh có chứng chỉ quốc tế SAT, ACT, A-Level, chứng chỉ tiếng Anh IELTS (Academic) hoặc tương đương được xét tuyển thẳng;

- Điều kiện, mức hoặc ngưỡng điểm nhận hồ sơ, chương trình đào tạo xét tuyển được quy định chi tiết trong Thông tin tuyển sinh hàng năm.

Điều 20. Xét tuyển theo kết quả học tập trung cấp, cao đẳng, đại học

1. Hình thức:

a) Xét tuyển trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy đối với người đã tốt nghiệp đại học;

b) Xét tuyển trình độ đại học hình thức đào tạo thường xuyên đối với người đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học.

2. Phương thức: Xét tuyển dựa trên hồ sơ đối với tất cả các chương trình đào tạo. Những người được xem xét công nhận chính thức phải hoàn thành các học phần bổ sung, bổ túc (nếu có). Việc xem xét các học phần bổ sung, bổ túc tùy theo bảng điểm/phụ lục văn bằng của thí sinh ở bậc trung cấp, cao đẳng và chương trình đào tạo mà thí sinh dự tuyển.

Điều 21. Đăng ký xét tuyển, xét tuyển và công nhận trúng tuyển

1. Căn cứ Thông tin tuyển sinh đã công bố, Trường thông báo và tổ chức cho thí sinh đăng ký dự tuyển/nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp tại Trường. Quy trình thực hiện đăng ký trực tuyến đối với thí sinh như sau:

a) Truy cập vào trang thông tin đăng ký xét tuyển của Trường;

b) Khai báo các thông tin cá nhân, nhận thông tin về tài khoản truy cập trang thông tin và yêu cầu xác nhận qua địa chỉ email đã cung cấp;

c) Truy cập vào trang thông tin đăng ký xét tuyển bằng tài khoản cá nhân, lựa chọn hình thức xét tuyển và tiếp tục quá trình đăng ký theo hướng dẫn cụ thể của từng phương thức;

d) Tải lên các bản chụp (scan) minh chứng liên quan: Bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học, bảng điểm, giấy khai sinh, các chứng chỉ theo quy định;

đ) Kiểm tra lại các thông tin đã khai, các minh chứng đã tải lên và gửi hồ sơ;

e) Kiểm tra email xác nhận của Trường về việc đã nhận hồ sơ;

g) Trong quá trình khai hồ sơ trực tuyến, các thông tin sẽ được lưu tạm thời và có thể chỉnh sửa. Sau khi gửi hồ sơ, thí sinh không có quyền chỉnh sửa;

h) Hoàn thành lệ phí tuyển sinh theo quy định.

2. Sau khi kết thúc thời gian đăng ký dự tuyển/nộp hồ sơ, Trường tổ chức xét tuyển theo nguyên tắc sau:

a) Trường sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT, kết quả học tập THPT, trung cấp, cao đẳng, đại học và các thông tin khác cần thiết cho công tác tuyển sinh do thí sinh đăng ký trên Cổng thông tin tuyển sinh;

b) Độc lập xét tuyển với Hệ thống xét tuyển quốc gia;

c) Xét tuyển theo nguyện vọng từ cao xuống thấp, dừng xét tuyển khi thí sinh đạt điều kiện hoặc hết nguyện vọng đăng ký xét tuyển. Đối với người đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học, sau khi xét tuyển theo nguyện vọng, cần tổ chức xét công nhận giá trị tương đương kết quả học tập tích lũy theo chương trình đào tạo đại học đã được phê duyệt và yêu cầu thí sinh phải hoàn thành kiến thức bổ sung theo quy định của từng chương trình học mới được công nhận trúng tuyển chính thức;

d) Xét tuyển đợt 1:

- Sau khi hết thời hạn thí sinh đăng ký nguyện vọng xét tuyển, Trường sẽ căn cứ vào thông tin thí sinh đã đăng ký trên Hệ thống để dự kiến điểm trúng tuyển theo từng chương trình đào tạo;

- Tiến hành chuẩn hóa dữ liệu xét tuyển, điều chỉnh những sai sót về tổ hợp xét tuyển, môn chính, điểm ngoại ngữ quy đổi ... theo Thông tin tuyển sinh đã công bố;

- Trong thời hạn quy định của công tác xét tuyển, điều chỉnh điểm trúng tuyển cho phù hợp với chỉ tiêu; quyết định điểm trúng tuyển và danh sách thí sinh trúng tuyển chính thức; công bố kết quả trúng tuyển trên trang thông tin điện tử của Trường và trên phương tiện thông tin đại chúng khác.

đ) Xét tuyển đợt tiếp theo:

- Xét tuyển đợt tiếp theo có thể được thực hiện một lần hay nhiều lần;

- Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh của Trường và số thí sinh trúng tuyển đã xác nhận nhập học tại Trường sau xét tuyển đợt 1 (kể cả số thí sinh được xét tuyển thẳng), HĐTS Trường xem xét và quyết định các đợt xét tuyển tiếp theo.

3. Công nhận trúng tuyển

a) Trường gửi thông báo kết quả trúng tuyển cho những thí sinh trúng tuyển, trong đó ghi rõ những thủ tục cần thiết đối với thí sinh khi nhập học và phương thức nhập học của thí sinh;

b) Đối với những thí sinh không xác nhận nhập học trong thời hạn quy định nếu không có lý do chính đáng thì coi như thí sinh từ chối nhập học và Trường có quyền không tiếp nhận.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác xét tuyển

1. Trách nhiệm của thí sinh

a) Tìm hiểu kỹ thông tin tuyển sinh của Trường, không đăng ký nguyện vọng vào các chương trình đào tạo hay phương thức tuyển sinh mà không đủ điều kiện;

vt

b) Cung cấp đầy đủ và bảo đảm tính chính xác của tất cả thông tin đăng ký dự tuyển, bao gồm cả thông tin cá nhân, thông tin khu vực và đối tượng ưu tiên (nếu có), thông tin cộng điểm khuyến khích và quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế, nguyện vọng đăng ký; tính xác thực của các giấy tờ minh chứng;

c) Đồng ý để Trường được quyền sử dụng thông tin, dữ liệu cần thiết phục vụ cho công tác xét tuyển;

d) Hoàn thành thanh toán lệ phí tuyển sinh trước khi kết thúc thủ tục đăng ký dự tuyển.

2. Trách nhiệm của Trường

a) Cung cấp đầy đủ, đúng định dạng và bảo đảm tính xác thực của thông tin, dữ liệu tuyển sinh lên Hệ thống theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT;

b) Quy định về mức thu, phương thức thu và sử dụng lệ phí dịch vụ tuyển sinh;

c) Cung cấp đầy đủ thông tin, tư vấn và hướng dẫn thí sinh, không để thí sinh đăng ký dự tuyển vào một chương trình đào tạo hay theo một phương thức tuyển sinh của Trường mà không đủ điều kiện;

d) Bảo đảm tuân thủ quy trình xét tuyển chính xác, công bằng, khách quan; thực hiện các cam kết theo Thông tin tuyển sinh đã công bố;

đ) Kiểm tra thông tin và hồ sơ minh chứng khi thí sinh nhập học, bảo đảm tất cả thí sinh nhập học phải đủ điều kiện trúng tuyển;

e) Giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan tới công tác xét tuyển của Trường theo quy định của pháp luật;

g) Chủ động tạm dừng tuyển sinh và báo cáo Bộ GD&ĐT việc tạm dừng tuyển sinh đối với các chương trình đào tạo khi không đủ điều kiện duy trì tổ chức thực hiện đào tạo theo quy định hiện hành, không đáp ứng các quy định của pháp luật liên quan;

h) Trừ trường hợp thay đổi chính sách tuyển sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT, Trường công bố công khai việc điều chỉnh phương thức tuyển sinh tối thiểu trước 12 tháng và khuyến khích công bố điều chỉnh phương thức tuyển sinh trước 36 tháng kể từ năm tuyển sinh 2027;

i) Đảm bảo quyền lợi của thí sinh khi sử dụng kết quả kỳ thi tuyển sinh, kết quả kỳ thi độc lập trong xét tuyển đại học.

Điều 23. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập HĐTS để điều hành các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh, quy định tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của các ban chuyên môn giúp việc cho HĐTS.

2. Thành phần của HĐTS gồm có:

a) Chủ tịch: Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng;

b) Phó Chủ tịch: Các Phó Hiệu trưởng;

c) Ủy viên thường trực: Trưởng phòng Phòng Đào tạo đại học;

d) Các ủy viên: Lãnh đạo các đơn vị liên quan đến hoạt động tuyển sinh, quản lý đào tạo; Lãnh đạo các đơn vị chuyên môn về đào tạo của Trường.

Những người có người thân (vợ hoặc chồng; con; anh, chị, em ruột của mình và của vợ hoặc chồng) dự thi hay xét tuyển vào Trường không được tham gia HĐTS của Trường và các ban giúp việc trong năm đó.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐTS

a) Tổ chức tuyển sinh theo Thông tin tuyển sinh và Quy chế tuyển sinh đã ban hành, tuân thủ các quy định của Quy chế này và các quy định pháp luật hiện hành; thực hiện trách nhiệm giải trình với Bộ GD&ĐT, các cơ quan có thẩm quyền và xã hội về toàn bộ công tác tuyển sinh của Trường;

b) Chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của các ban chuyên môn; xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức tuyển sinh;

c) Giải quyết thắc mắc, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan đến công tác tuyển sinh;

d) Trực tiếp tổ chức thu hoặc ủy quyền thu và sử dụng các khoản phí liên quan đến tuyển sinh;

đ) Tổng kết công tác tuyển sinh trong năm và xây dựng các báo cáo về tuyển sinh theo yêu cầu của Hiệu trưởng và yêu cầu của Bộ GD&ĐT.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐTS

a) Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm chung về công tác tuyển sinh của Trường;

b) Báo cáo trực tiếp với Tập thể lãnh đạo Trường về công tác tuyển sinh;

c) Quyết định thành lập các ban chuyên môn giúp việc cho HĐTS.

5. Phó Chủ tịch HĐTS thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch HĐTS phân công và thay mặt Chủ tịch HĐTS giải quyết công việc khi được ủy quyền.

Điều 24. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh

1. Thành phần Ban thư ký HĐTS gồm có:

a) Trưởng ban: Ủy viên thường trực HĐTS;

b) Các ủy viên: Một số chuyên viên phòng, trung tâm, khoa/viện và cán bộ công nghệ thông tin.

2. Ban thư ký HĐTS có nhiệm vụ giúp HĐTS thực hiện các công việc: công bố Thông tin tuyển sinh và các thông tin tuyển sinh khác trên Cổng thông tin tuyển sinh; dự thảo kết quả tuyển sinh (điểm chuẩn trúng tuyển và danh sách trúng tuyển); dự thảo các báo cáo về kết quả tuyển sinh và các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐTS giao.

Điều 25. Xử lý vi phạm

1. Tiếp nhận thông tin và xử lý vi phạm quy chế tuyển sinh

12

a) Nơi tiếp nhận thông tin, bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh gồm Phòng Đào tạo đại học và Phòng Thanh tra;

b) Đơn vị, cá nhân tiếp nhận thông tin, bằng chứng vi phạm Quy chế tuyển sinh có trách nhiệm xử lý theo thẩm quyền và công bố công khai kết quả xử lý các cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm Quy chế tuyển sinh.

2. Xử lý các đơn vị, cán bộ và thí sinh vi phạm quy chế tuyển sinh

a) Thí sinh đã trúng tuyển và nhập học nhưng bị phát hiện có hành vi gian lận hoặc liên quan trực tiếp đến gian lận trong quá trình xét tuyển có thể bị buộc thôi học, cấm dự tuyển vào Trường trong những năm tiếp theo. Hiệu trưởng xem xét, quyết định hình thức xử lý theo các quy định, quy chế hiện hành;

b) Người tham gia công tác tuyển sinh là công chức, viên chức có hành vi vi phạm quy chế, tùy theo mức độ, sẽ bị xử lý theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Đối với những người vi phạm Quy chế tuyển sinh là viên chức, người lao động của Trường, Hiệu trưởng quyết định xử lý theo các quy định pháp luật hiện hành và quy chế của Trường Đại học Luật Hà Nội;

c) Đơn vị, cá nhân vi phạm về công tác tuyển sinh, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật;

d) Hiệu trưởng, Chủ tịch HĐTS chịu trách nhiệm trong việc xác định danh sách thí sinh trúng tuyển đảm bảo tỷ lệ gọi trúng tuyển của chương trình đào tạo không vượt so với chỉ tiêu được giao.

Điều 26. Chế độ báo cáo và lưu trữ

1. Hằng năm, HĐTS gửi báo cáo tuyển sinh cho Bộ Tư pháp, Bộ GD&ĐT và Ban Giám hiệu theo quy định. Phòng Đào tạo đại học là đơn vị chủ trì giúp Hiệu trưởng thực hiện chế độ báo cáo.

2. Phòng Đào tạo đại học có trách nhiệm lưu trữ, bảo quản an toàn các tài liệu liên quan đến công tác tuyển sinh trong suốt khoá đào tạo theo quy định của Luật Lưu trữ và các quy định về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục. /

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quy chế Tuyển sinh đại học tại Trường Đại học Luật Hà Nội
ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHLHN ngày..... tháng năm 2026 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Phụ lục I. Khu vực ưu tiên

Khu vực	Mô tả khu vực và điều kiện
Khu vực 1 (KV1)	Các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III; các xã có thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; các xã/phường hải đảo/đặc khu; các xã/phường biên giới đất liền.
Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT)	Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3.
Khu vực 2 (KV2)	Các phường thuộc tỉnh; các xã của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).
Khu vực 3 (KV3)	Các phường của thành phố trực thuộc Trung ương.

Phụ lục II. Đối tượng chính sách ưu tiên

Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện
<i>Nhóm 1</i>	
01	Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số được hưởng ưu tiên KV 1
02	a) Thương binh, bệnh binh, người có “Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong công an nhân dân xuất ngũ và được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định.
03	a) Thân nhân liệt sĩ; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.
<i>Nhóm 2</i>	
04	a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ trên 15 tháng tính theo ngày.
05	a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số học ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.
06	a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; b) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các chương trình đào tạo giáo viên; c) Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Dược đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng chương trình đào tạo tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe.